TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N Đ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 04/2022/QĐST-HNGĐ	*N Đ, ngày 22 tháng 3 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N Đ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 09/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2022 về việc: "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Nguyễn Phi V, sinh năm: 1991.

- Chị Nguyễn Thị B, sinh năm: 1995.

Đều trú tại: Thôn A, xã Th Q, huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu Nguyễn Thị Khả V, sinh ngày 23/4/2020 theo đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý của chị Nguyễn Thị B là bà Nguyễn Thị S - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 04 tháng 3 năm 2022 anh Nguyễn Phi V và chị Nguyễn Thị B cùng nộp đơn yêu cầu "công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con". Quá trình vận động hòa giải, anh V và chị B thống nhất thuận tình ly hôn và không yêu cầu đoàn tụ vợ chồng; Tòa án nhân dân huyện N Đ đã lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành vào ngày 14/3/2022. Anh V, chị B cùng cư trú tại thôn A, xã Th Q, huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế và đã nộp tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự. Do đó, đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự của anh V,

chị B được Tòa án nhân dân huyện N Đ thụ lý và giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung đơn yêu cầu:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Phi V và chị Nguyễn Thị B có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th Q, huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 02 tháng 10 năm 2018 (Theo số đăng ký kết hôn 13/2018). Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình chung sống, anh V và chị B thừa nhận hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình nhiều lần hòa giải, khuyên bảo nhưng giữa hai vợ chồng cũng không tự hàn gắn để chung sống với nhau. Từ những nguyên nhân trên, vợ chồng quyết định mỗi người sống mỗi nơi từ năm 2020 đến nay, không ai quan tâm gì đến nhau. Xét thấy, anh V và chị B tự nguyện ly hôn, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh Nguyễn Phi V và chị Nguyễn Thị B.

- Về con chung: Anh Nguyễn Phi V và chị Nguyễn Thị B có 01 người con chung là Nguyễn Thị Khả V, sinh ngày 23 tháng 4 năm 2020. Anh V, chị B đã thỏa thuận giao con chung cho chị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi) và anh Nguyễn Phi V có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/01 tháng kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Do đó cần áp dụng Điều 81, 82, 83, 84 và Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận thỏa thuận của các bên về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Phi V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Phi V và chị Nguyễn Thị B khai không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Phi V, sinh năm: 1991 và chị Nguyễn Thị B, sinh năm: 1995.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Khả V, sinh ngày 23 tháng 4 năm 2020 cho chị Nguyễn Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi); anh Nguyễn Phi V phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/01 tháng kể từ ngày quyết định

của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Sau khi ly hôn, anh Vũ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Đến hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị Nguyễn Thị B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Nguyễn Phi V chậm thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng anh V còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh V và chị B khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), anh Nguyễn Phi V và chị Nguyễn Thị B tự nguyện chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà anh V và chị B đã nộp theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0002576 ngày 07 tháng 3 năm 2022 và số AA/2021/0002577 ngày 07 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế. Anh Nguyễn Phi V và chị Nguyễn Thị B đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện N Đ;
- Chi cục THADS huyện N Đ;
- UBND xã Th Q, huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký và đóng dấu)

Trần Ngọc Tú